

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN TIẾNG ANH LỚP 5
HỌC KÌ I NĂM HỌC 2025 - 2026

I. TỪ VỰNG

Từ vựng theo các chủ điểm sau: gia đình và bạn bè, những đồ vật ưa thích, cuộc sống ở trường học, thời gian rảnh, các lễ hội, đồ ăn và thức uống.

II. NGỮ PHÁP

Unit 1: Family and Friends

- **Connectors: both, but (Liên từ nối)**

- **Both** Becky and Emma are crazy about technology.
- Becky is quiet, **but** Emma is loud.

- **Adverbs of manner: carefully, happily, loudly, quickly, slowly, well**

- Penguins can swim very **well**.
- They take care of their eggs **carefully**.

- **Possessive 's**

- Lara's hair is green.
- Her mother's hair is brown.

Unit 2: My Favourite Things

- **Past simple with verb 'to be'**

- When you were seven, what was your favourite thing, Mary?
- It was my kite.

- **Prepositions of position: above, below, in the middle of, inside, outside (Giới từ chỉ vị trí)**

- A green ball is **above** the cupboard.
- Two blue balls are **below** the chair.

- **Connectors: and, but (Liên từ nối)**

- Computers are exciting **and** fun.
- This book is interesting, **but** it's expensive.

Unit 3: School Life

- **Present simple (affirmative) (Thì hiện tại đơn với câu khẳng định)**

- He studies maths every weekday / on Mondays / in the morning / at the weekends.

Present simple (interrogative) (Thì hiện tại đơn với dạng câu hỏi)

- Does Dara have English on Tuesdays?

- No, she doesn't. She has English on Mondays.

- When does she start her lessons at school?

- *She starts her lessons at 8 a.m.*

- **Adverbs of frequency (never, sometimes, often, usually, always) (Trạng từ chỉ tần suất)**

• *I often walk to school, but I sometimes ride my bike.*

Unit 4: Free Time

- ***be good at***

• *What is she good at?*

- *She's good at playing football.*

- ***Can (permission)***

• *Can I go to the bookshop now?*

- *Yes, you can. / No, you can't.*

- ***Verb forms (Gerund and Infinitive) (Danh động từ và Động từ nguyên thể)***

• *I often **go** swimming. (Infinitive without 'to' – Động từ nguyên thể không có 'to')*

• *I'm good at **swimming**. (Gerund – Danh động từ)*

Unit 5: Celebrations

- ***Imperative sentence (Câu mệnh lệnh)***

• *Please buy some powder for the Holi Festival.*

• *Don't be late for any meetings with your teachers.*

• *Let's hope for a bright future.*

- ***Countable / Uncountable nouns (Danh từ đếm được/ Danh từ không đếm được)***

• *There are six colourful **balloons** on the wall of my living room. (balloons – danh từ đếm được)*

• *Minh has to do a lot of **housework**. (housework – danh từ không đếm được)*

- ***Irregular verbs in Past simple: went, had, did***

• *I went to a birthday party last weekend.*

• *He had a lot of work during Christmas.*

• *My mother did a lot of housework before Tet holiday.*

Unit 6: Food

- ***a lot of, much, many***

• *We have a lot of bread, but we don't have much butter.*

• *We have a lot of oranges, but we don't have many apples here.*

- ***a few, a little***

• *There's a little milk in the glass.*

• *Let's have a few biscuits with our orange juice.*

- ***Quantifiers***

• *a bowl of rice | a piece of pizza | a plate of salad | a glass of water | a slice of bread*

